

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN HỒNG SƠN*

Bảo đảm an ninh lương thực được Đảng và Nhà nước coi là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài. Ngày 25/3/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ-CP về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030. Theo đó, Chính phủ nêu ra các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, như: đẩy mạnh phát triển, cơ cấu lại sản xuất lương thực, gắn với thị trường; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất lương thực; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến lương thực... Mặc dù Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong tăng trưởng sản xuất và là một quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu trên thế giới, song Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức phức tạp, vì vậy cần có những chiến lược, kế hoạch nhằm bảo đảm một nền an ninh lương thực thực sự bền vững, đặc biệt là việc bảo đảm an ninh lương thực đồng đều cho mọi người dân trong mọi vùng miền.

Từ khóa: An ninh lương thực; nông nghiệp; bền vững; thách thức; giải pháp; Việt Nam.

Food security is considered a crucial and essential issue for the country by the Party and the State of Vietnam, both in the short and long term. On March 25, 2021, the Government issued Resolution No. 34/NQ-CP on ensuring national food security by 2030. Accordingly, the Government outlined tasks and solutions to ensure national food security by 2030, such as promoting the development and restructuring of food production linked with the market; investing in infrastructure development to serve food production; enhancing science-technology research, application, and transfer in food production, preservation, and processing, etc. Despite Vietnam's significant achievements in agricultural production and being a leading agricultural exporter globally, the country still faces complex challenges. Therefore, strategic plans and initiatives are necessary to overcome these challenges and ensure truly sustainable food security, particularly in ensuring food security equitably for all the citizens in all regions.

Keywords: Food security; agriculture; sustainability; challenges; solutions; Vietnam.

NGÀY NHẬN: 15/10/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 15/12/2023

NGÀY DUYỆT: 15/01/2024

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.336.2024.737>

1. Bối cảnh và hiện trạng về an ninh lương thực của Việt Nam

Việt Nam là quốc gia nông nghiệp với diện tích tự nhiên 331.699 km² (phần đất liền), xếp thứ 66 trên thế giới, trong đó diện

tích đất sản xuất nông nghiệp là 11.673.357 ha¹. Dân số (tính đến 29/12/2023) Việt Nam

* GS.TS, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

là 100.300.000 người trong đó dân số nông thôn là hơn 62 triệu người (chiếm gần 62% tổng dân số), xếp thứ 15 trên thế giới². Diện tích đất canh tác bình quân đầu người của Việt Nam chỉ đạt 0,25 ha, bằng 69% so với mức trung bình của khu vực (0,36 ha/người), và chỉ bằng 50% so với mức trung bình của thế giới (0,52 ha/người)³. Như vậy, Việt Nam thuộc quốc gia đất chật, người đông.

Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Từ một nước thiếu lương thực, Việt Nam đã vươn lên trở thành quốc gia sản xuất đủ lương thực, thực phẩm cho hơn 100 triệu dân và còn dành một phần để xuất khẩu. Thậm chí với kịch bản bi quan nhất, khi diện tích đất lúa được dự đoán sẽ giảm từ 20% đến 25%, tức là từ 4 triệu ha xuống 3 triệu ha, hoặc thậm chí là 2,5 triệu ha, Việt Nam vẫn sẽ đủ lương thực và còn dư một phần để xuất khẩu⁴. Các vùng sản xuất lương thực hàng hóa lớn tập trung ở đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long cung cấp lúa gạo hàng hóa cho cả nước và xuất khẩu.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp ngành nông nghiệp Việt Nam tham gia và trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nằm trong nhóm 15 quốc gia xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới và đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á. Từ chỗ chỉ có 5 nhóm mặt hàng về nông sản có giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD/năm (năm 2008), sau 15 năm, Việt Nam đã có 10 nhóm mặt hàng với giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD/năm, trong đó mặt hàng thủy sản đạt giá trị xuất khẩu trên 11 tỷ USD/năm và 5 mặt hàng nông sản đạt giá trị xuất khẩu trên 3 tỷ USD/năm⁵. Trong giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu nông - lâm - thủy sản đạt 9,87%/năm, giá trị xuất khẩu nông - lâm - thủy sản tăng từ 36,51 tỷ USD năm 2017 lên 53,22 tỷ USD năm 2022⁶.

Vấn đề an ninh lương thực (bao gồm lương thực, thực phẩm) luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, chỉ đạo nhằm bảo đảm an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Sau hơn 10 năm (2009 - 2019) thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 04/6/2019 của Bộ Chính trị (khóa X) về Đề án An ninh lương thực quốc gia, đến năm 2020 Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, nổi bật là:

Thứ nhất, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, góp phần quan trọng ổn định kinh tế, chính trị - xã hội và phát triển đất nước, nhất là khi có biến động khủng hoảng kinh tế thế giới và tác động của đại dịch Covid-19.

Thứ hai, tham gia vào nguồn cung lương thực, thực phẩm cho thế giới. Sản xuất lương thực, thực phẩm liên tục phát triển; sản lượng lúa tăng từ 39,17 triệu tấn lên 43,45 triệu tấn, bình quân lương thực tăng từ 497 kg/người/năm lên trên 525 kg/người/năm, đưa Việt Nam vào nhóm nước hàng đầu về sản xuất lương thực; sản lượng thịt hơi các loại tăng 1,3 lần; sữa các loại tăng 3,36 lần; trứng tăng 2,13 lần; sản lượng thủy sản tăng 1,7 lần. Tình trạng thiếu dinh dưỡng đã giảm xuống còn 10,8% năm 2019; đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt, đặc biệt là thu nhập của người dân nông thôn tăng 3,65 lần⁷. Hệ thống cơ sở hạ tầng sản xuất, lưu thông, dự trữ lương thực, thực phẩm được nâng cấp, hiện đại hóa; các kênh phân phối không ngừng được mở rộng và hoàn thiện, nâng cao năng lực sản xuất, lưu thông và khả năng tiếp cận lương thực, thực phẩm cho người dân.

Tuy nhiên, Báo cáo thường niên lần thứ 11 (năm 2022) của The Economist Group đánh giá chỉ số an ninh lương thực toàn cầu (The Global Food Security Index - GFSI) của 113 quốc gia (dựa trên 4 trụ cột gồm: khả năng chi trả; tính sẵn có; chất lượng và độ an toàn; tính bền vững và thích ứng) đã chỉ ra

ràng, mặc dù, Việt Nam là một trong 3 nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới nhưng chỉ số an ninh lương thực toàn cầu (năm 2022) của Việt Nam chỉ đứng thứ 46/113 quốc gia (với 67,9 điểm, đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á - sau Xinh-ga-po với 73,1 điểm và Ma-lai-xi-a với 69,9 điểm). Như vậy, chỉ số an ninh lương thực toàn cầu năm 2022 của Việt Nam đứng sau 45 quốc gia (*xem bảng cuối bài*), trong đó có những quốc gia không hề sản xuất lương thực thực phẩm, như: Phần Lan, Bỉ, Anh, Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Qatar hay Xinh-ga-po...

2. Quan điểm đối với an ninh lương thực trong thời đại ngày nay

Trong thời đại ngày nay, khi các nước sản xuất nông nghiệp đang phải đối mặt với nhiều thách thức của biến đổi khí hậu, tác động của dịch bệnh, tất cả các quốc gia trên thế giới càng nhận thức rõ tầm quan trọng sống còn của vấn đề an ninh lương thực trong chiến lược phát triển bền vững và bảo đảm an ninh quốc gia. An ninh lương thực hiện được coi là vấn đề đa chiều, liên ngành, đa ngành và liên quan đến nhiều vấn đề toàn cầu khác. Bảo đảm an ninh lương thực được coi là một trong những tiên đề quan trọng để đạt các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) của Liên hiệp quốc. Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hiệp quốc (FAO), an ninh lương thực là trạng thái mà tất cả mọi người, tại mọi thời điểm, đều có sự tiếp cận về mặt vật chất và kinh tế với nguồn lương thực đầy đủ, an toàn và đủ dinh dưỡng, đáp ứng chế độ ăn uống và thị hiếu lương thực của mình, bảo đảm một cuộc sống năng động và khỏe mạnh (WFS, 1996).

Như vậy, an ninh lương thực ngày nay không chỉ dừng lại ở nhu cầu lương thực (gạo, mỳ, ngô, khoai, sắn...) mà còn bao gồm cả góc độ an ninh dinh dưỡng (thịt, cá, trứng, rau...). Theo FAO, an ninh lương thực phải bao gồm 4 tiêu chí:

(1) Tính sẵn có, hàm ý rằng thực phẩm với chất lượng phù hợp được cung cấp qua hệ thống sản xuất nội địa hoặc nhập khẩu, tính cả nguồn viện trợ.

(2) Quyền tiếp cận, cho phép các cá nhân nhận được thực phẩm phù hợp với chế độ dinh dưỡng.

(3) Tiêu dùng thực phẩm thông qua chế độ dinh dưỡng đầy đủ, nước sạch, vệ sinh và chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của cơ thể, tức là có những yếu tố phi thực phẩm được đưa vào vào an ninh lương thực.

(4) Tính ổn định, biểu hiện bằng việc mọi người có thực phẩm ổn định, hàm ý rằng không có rủi ro thiếu hụt thực phẩm bất chấp những cú sốc đột ngột như khủng hoảng kinh tế hay khủng hoảng khí hậu hoặc những trục trặc có tính chu kỳ.

Đối với Việt Nam, an ninh lương thực luôn được Đảng, Nhà nước xác định là vấn đề trọng đại của đất nước trước mắt cũng như lâu dài. Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đã nêu rõ 3 đặc điểm (mục tiêu) cơ bản của an ninh lương thực tại Việt Nam, đó là: (1) *Tính sẵn có* (bảo đảm về nguồn cung); (2) *Đủ dinh dưỡng* (bảo đảm về dinh dưỡng) và (3) *Khả năng tiếp cận lương thực thực phẩm của người dân* (bảo đảm đủ nguồn cung và có tiền để mua).

Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ cũng đề cập đến an ninh lương thực trong mối quan hệ tổng hòa giữa nguồn lương thực chính là lúa gạo với các nguồn lương thực, thực phẩm khác, như: ngô; cây màu khác, rau, trái cây; thịt, sữa tươi, trứng và thủy, hải sản ... đồng nghĩa an ninh lương thực phải gắn liền với an ninh dinh dưỡng. Khả năng, điều kiện được tiếp cận lương thực, thực phẩm an toàn, bảo đảm dinh dưỡng ngày càng trở thành một quyền cơ bản của mọi người dân và là hai khía cạnh quan trọng tạo nên trạng thái “an ninh lương thực”

đúng nghĩa trong bối cảnh ngày nay. Việt Nam xác định nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chính phủ Việt Nam luôn quan tâm, coi bảo đảm an ninh lương thực quốc gia là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển bền vững của đất nước.

Để triển khai thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về “Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030”, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021 về việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, trong đó đã nêu rõ quan điểm như sau:

Một là, an ninh lương thực quốc gia luôn là vấn đề thiết yếu, cấp bách khi nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, thiên tai, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh xuyên biên giới ngày càng khốc liệt, khó lường; quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ.

Hai là, an ninh lương thực quốc gia phải gắn với cơ cấu lại nền kinh tế. Bảo đảm an ninh lương thực cho người dân trong mọi tình huống là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn xã hội; không chỉ tập trung vào tính sẵn có, khả năng tiếp cận mà còn bảo đảm cân bằng dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.

Ba là, việc giữ đất lúa là cần thiết để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia nhưng phải bảo đảm sinh kế, thu nhập cho người trồng lúa, trên cơ sở phát huy nguồn lực của Nhà nước, Nhân dân và các thành phần kinh tế.

Bốn là, gắn an ninh lương thực với an ninh nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Năm là, ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ nhằm đa dạng hóa sản phẩm lương thực, thực phẩm bảo đảm cân bằng dinh

dưỡng, an toàn thực phẩm trong khẩu phần ăn của người dân.

3. Thách thức đối với an ninh lương thực của nước ta

Từ góc nhìn quản lý, mặc dù, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong tăng trưởng sản xuất và là một quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu trên thế giới, Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức phức tạp cần phải vượt qua để có một nền an ninh lương thực thực sự bền vững, đặc biệt là việc bảo đảm an ninh lương thực đồng đều cho mọi người dân, trong mọi vùng miền. Cụ thể:

Thứ nhất, Việt Nam có khoảng 62 triệu người sống ở vùng nông thôn, trong đó có khoảng hơn 20 triệu người sống ở vùng miền núi, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số. Những khó khăn bất cập về hạ tầng và điều kiện tiếp cận thị trường ở nông thôn và miền núi làm hạn chế khả năng tiếp cận lương thực/ thực phẩm an toàn và bảo đảm dinh dưỡng đối với cộng đồng và người dân địa phương tại đây. Bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cấp hộ gia đình một số nơi chưa vững chắc; khả năng tiếp cận lương thực đa dạng, kịp thời, đủ dinh dưỡng vẫn là thách thức lớn đối với người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Thứ hai, giá lương thực và thực phẩm hiện nay có thể thay đổi bất thường do nhiều yếu tố như thiên tai, dịch bệnh, biến động giá năng lượng, chiến tranh thương mại, xung đột chính trị trên thế giới, một số quốc gia hạn chế xuất khẩu lương thực để tăng dự trữ làm gián đoạn chuỗi cung ứng. Trong khi đó, mặc dù Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu trên thế giới (cung cấp hơn 9% lượng gạo xuất khẩu toàn cầu) nhưng trên thực tế đa số hộ gia đình kể cả những người sản xuất ra lượng gạo lớn ở đồng bằng sông Cửu Long vẫn phải mua lương thực/ thực phẩm. Do vậy, sự không chắc chắn và tăng bất thường về giá cả lương thực/ thực phẩm có thể làm gia tăng số người

không đủ khả năng tiếp cận đầy đủ lương thực và thực phẩm.

Thứ ba, Việt Nam là một trong những quốc gia chịu tổn thương lớn nhất do tác động của biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu đang làm gia tăng những hiện tượng thời tiết cực đoan (hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn...) gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và làm suy giảm an ninh lương thực, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và miền núi. Những hiện tượng thời tiết cực đoan thường gây hủy hoại hoặc thiệt hại nghiêm trọng đến nông trại và hệ thống cung ứng thực phẩm, gây ra tình trạng thiếu lương thực/thực phẩm, từ đó làm gia tăng nguy cơ mất an ninh lương thực ở mức độ vừa phải hoặc nghiêm trọng ở quy mô vùng hoặc cộng đồng trong ngắn hạn và dài hạn.

Thứ tư, vấn đề chất lượng và an toàn thực phẩm đặc biệt quan trọng, bảo đảm rằng thực phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng. Các vụ việc liên quan đến thực phẩm giả, ô nhiễm, và sử dụng hóa chất không an toàn vẫn còn đang tồn tại, là một thách thức quan trọng đối với an ninh lương thực tại Việt Nam.

4. Một số giải pháp bảo đảm an ninh lương thực bền vững tại Việt Nam

An ninh lương thực đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển và ổn định của một quốc gia và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Để bảo đảm an ninh lương thực bền vững, Việt Nam đối diện với một loạt thách thức đa dạng, từ biến đổi khí hậu cho đến thương mại quốc tế và an toàn thực phẩm. Chính vì vậy, trong giai đoạn tới, chúng ta cần tập trung vào các giải pháp quan trọng sau đây:

Một là, để bảo đảm an ninh lương thực tại các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa cần có sự đầu tư xây dựng hạ tầng vùng nông thôn, đặc biệt là hệ thống giao thông và lưu trữ thực phẩm, giúp giảm tổn thất thực phẩm và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường.

Hai là, đẩy mạnh chuyển đổi hệ thống sản xuất hiện tại sang các hệ thống lương thực thực phẩm có sức chống chịu và bền vững, trong đó ưu tiên khuyến khích sự tham gia rộng lớn hơn của xã hội và bảo đảm sự công bằng, nhất là đối với nông dân, phụ nữ, giới trẻ và các nhóm dân tộc ở địa phương; ưu tiên các giải pháp bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Ba là, Việt Nam cần tăng cường đầu tư vào nông nghiệp bền vững và hiệu quả hơn. Điều này bao gồm việc thúc đẩy sự áp dụng công nghệ mới trong nông nghiệp, nâng cao năng suất và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên nông nghiệp; phát triển hệ thống dự trữ lương thực, thực phẩm đáng tin cậy để đối phó với sự thay đổi bất thường hay “cú sốc” về giá lương thực và thực phẩm, giúp bảo đảm dân số luôn có đủ thực phẩm trong mọi trường hợp khẩn cấp.

Bốn là, trong bối cảnh biến đổi khí hậu và biến động toàn cầu, Việt Nam cần thực hiện các biện pháp quyết liệt để nâng cao an ninh lương thực và bảo đảm rằng người dân có quyền tiếp cận thực phẩm an toàn và đủ dự trữ. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), cảm biến, và hệ thống thông tin địa lý (GIS) có thể giúp nâng cao quản lý nông nghiệp và dự báo/cảnh báo thời tiết. Việt Nam cần đầu tư vào công nghệ này để cải thiện năng suất và bền vững của nông nghiệp. Biến đổi khí hậu và an ninh lương thực không chỉ là vấn đề nội bộ mà còn là vấn đề toàn cầu, do vậy, Việt Nam nên tham gia tích cực vào các sáng kiến và hiệp định quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm và tận dụng hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế.

Năm là, bảo đảm an toàn thực phẩm và chất lượng: quản lý an toàn thực phẩm và chất lượng là một phần quan trọng của an ninh lương thực. Cần tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn sản xuất và kiểm tra thực phẩm, đồng thời tăng cường công tác giám sát và tuân thủ quy định an toàn thực phẩm. Các biện pháp

này cần được thực hiện một cách đồng thời và phối hợp để đạt được hiệu quả tốt nhất □

Chú thích:

1. Quyết định số 3048/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 18/10/2023 phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai của cả nước năm 2022.

2. Thông cáo về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023. <https://www.gso.gov.vn>, ngày 29/12/2023.

3. Đàm Thị Mai Oanh. *Đánh giá khả năng thực hiện chức năng tạo lập quỹ đất nông nghiệp của tổ chức phát triển quỹ đất*. Tạp chí Môi trường (VEM), số 4/2023, tr. 16 - 20.

4. CIAT, World Bank. *Climate-Smart Agriculture in Viet Nam*. CSA Country Profiles for Asia Series. International Center for Tropical Agriculture (CIAT). 2017.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *Báo cáo Tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2022 và triển khai*

kế hoạch năm 2023. Hà Nội, 2023.

6. Xuất khẩu nông sản chủ lực của Việt Nam - cơ hội và thách thức trong giai đoạn tới. <https://vioit.org.vn>, ngày 16/9/2023.

7. Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II. H.NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

2. Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

3. Thông cáo báo chí Kết quả khảo sát mức sống dân cư 2022. <https://www.gso.gov.vn>, ngày 04/5/2023.

4. FAO (2006). *Food Security - Policy Brief*. FAO Agricultural and Development Economics Division.

5. The Economist Group (2022). *The Economist Impact - The Global Food Security Index 2022*.

Bảng: Chỉ số an ninh lương thực toàn cầu của một số quốc gia 2022

Quốc gia	Chỉ số (thang điểm 100)	Thứ tự toàn cầu
Phân Lan	83,7	1
Hà Lan	80,1	5
Hoa Kỳ	78,0	13
UAE	75,2	23
Xinh-ga-po	73,1	28
Trung Quốc	74,2	25
Quar-ta	72,4	30
Ma-lai-xi-a	69,9	41
Việt Nam	67,9	46
In-đô-nê-xi-a	60,2	63
Thái Lan	60,1	64
Phi-líp-pin	59,3	67

Nguồn: The Economist Group - The Global Food Security Index.